

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn thành phố Huế

Thực hiện Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 và Quyết định số 4766/QĐ-BNNMT ngày 12/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kế hoạch hành động triển khai đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050. Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn thành phố với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án thành các hoạt động trọng tâm, bảo đảm triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi hệ thống sản xuất trồng trọt theo hướng phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân và phát triển bền vững nhằm bảo đảm an ninh lương thực, góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ và đóng góp vào mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 theo cam kết tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Đề án sản xuất giảm phát thải đến các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức, đơn vị liên quan nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Đề án.

Trên cơ sở nội dung định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án sản xuất giảm phát thải và Kế hoạch hành động này, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban

nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra trong Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi hệ thống sản xuất trồng trọt theo hướng phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân và phát triển bền vững. Qua đó, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành hàng trồng trọt, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, từng bước hình thành nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, có khả năng chống chịu tốt trước tác động của biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện các cam kết Việt Nam trong NDC (Đóng góp do quốc gia tự quyết định).

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

- Diện tích sản xuất trồng trọt phát thải thấp đạt trên 10.000 ha (trong đó cây lúa 8.000 ha; cây trồng khác 2.000 ha).

- Triển khai ít nhất 2 mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải có khả năng nhân rộng như Mô hình trồng lúa phát thải thấp (áp dụng kỹ thuật tưới khô, ướn xen kẽ - AWD); Mô hình lúa - lạc hữu cơ (sử dụng than sinh học từ rơm rạ, trấu để bón cho cây lạc),...

- Hình thành cơ sở dữ liệu phát thải trong trồng trọt kết nối với Hệ thống đăng ký quốc gia.

- Tổ chức truyền thông, phổ biến kiến thức, thúc đẩy chuyển đổi hành vi sản xuất của nông dân theo hướng giảm phát thải.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về kỹ thuật, chính sách, nhận thức chung và công cụ đo phát thải cho tối thiểu 300 cán bộ kỹ thuật cơ sở, khuyến nông, nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, ngành trồng trọt sẽ phát triển theo hướng phát thải thấp, sinh thái và hiện đại trở thành trụ cột quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh của nền nông nghiệp thành phố. Hoạt động sản xuất trồng trọt được tổ chức theo chuỗi giá trị tuần hoàn, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và nông nghiệp thông minh, đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, nước và vật tư đầu vào, đồng thời kiểm soát, hấp thụ và bù đắp phát thải một cách thực chất. Phấn đấu 100% diện tích cây trồng chủ lực áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác bền vững; hình thành cơ sở dữ liệu số hóa về phát thải trong trồng trọt, kết nối đồng bộ với hệ thống giám sát quốc gia; đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng bằng “0” theo cam kết tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn thành phố trong giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến 2050 đối với các cây trồng trong lĩnh vực trồng trọt, trong đó tập trung vào một số cây trồng chủ lực có tiềm năng giảm phát thải cao như lúa, sắn, chuối,...

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của vùng

- Tiếp tục phát triển diện tích các cây trồng lâu năm có giá trị cao vừa giúp tăng hiệu quả kinh tế vừa hấp thụ các-bon.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nước kém hiệu quả sang cây trồng cạn khác có hiệu quả cao, kết hợp lúa và nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển mô hình một vụ lúa, một vụ màu để nâng cao sức khỏe đất, giảm phát thải.

2. Phát triển và áp dụng các gói kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt giảm phát thải

- Rà soát, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính đối với các cây trồng chủ lực trên địa bàn thành phố.

- Lựa chọn và áp dụng các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải cho từng cây trồng cho từng vùng sinh thái, đảm bảo khả thi và có khả năng nhân rộng.

- Các giải pháp kỹ thuật bao gồm nhưng không hạn chế: Quản lý nước tưới (tưới ngập khô xen kẽ trong sản xuất lúa); một phải năm giảm, ba giảm ba tăng, hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI)...; quản lý dinh dưỡng hợp lý, sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh thay thế một phần phân vô cơ, sử dụng một số loại phân chậm tan, phân nhả chậm, phân nano...; giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, áp dụng biện pháp sinh học và nông nghiệp hữu cơ; canh tác theo hướng bảo vệ tài nguyên đất (tăng độ che phủ đất, làm đất tối thiểu, luân canh hợp lý và sử dụng hợp lý phụ phẩm nông nghiệp); ứng dụng công nghệ số: Cảm biến thông minh điều tiết nước, bón phân, phun thuốc, phân tích đất; áp dụng kỹ thuật canh tác nhằm tăng cường khả năng tích trữ carbon trong đất; sử dụng phế phụ phẩm sản xuất than sinh học, phân bón hữu cơ, đưa bèo hoa dâu vào cơ cấu sản xuất nhằm cung cấp thêm chất dinh dưỡng cho đất, tham gia vào quá trình hấp thụ khí nhà kính và giảm phát thải khí metan (CH₄)...

- Phổ biến hướng dẫn kỹ thuật canh tác giảm phát thải theo từng nhóm cây trồng, tích hợp cùng hệ thống khuyến nông.

3. Triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải quy mô vùng và chuỗi giá trị

a) Tổ chức xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật tại các địa phương, hỗ trợ nông dân tiếp cận, học hỏi và thực hành.

b) Lựa chọn xây dựng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải tại những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên một số loại cây trồng chủ lực trên địa bàn và phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Các mô hình cần đảm bảo tích hợp đồng bộ các yếu tố:

- Áp dụng gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải.
- Tổ chức sản xuất theo chuỗi, có liên kết giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp thu mua, chế biến.
- Có khả năng giám sát phát thải khí nhà kính và thực hiện quy trình đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV).

d) Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế, đơn vị phát triển dự án các-bon trong việc hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi, chứng nhận và tiêu thụ sản phẩm.

4. Thiết lập và vận hành hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) và cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính

- Triển khai có hiệu quả hệ thống MRV chuyên biệt cho một số loại cây trồng trong phạm vi của Đề án, trên cơ sở tham chiếu phương pháp luận của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc (IPCC) và các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành để đảm bảo có cơ sở khoa học và được quốc tế công nhận

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính lĩnh vực trồng trọt, bao gồm dữ liệu theo cây trồng, vùng sinh thái, biện pháp kỹ thuật, chu kỳ canh tác.

- Phát triển các công cụ hỗ trợ thu thập dữ liệu thực địa, số hóa quá trình theo dõi và đánh giá (ứng dụng di động, phần mềm nền tảng web), tạo thuận lợi cho cán bộ kỹ thuật và nông dân tiếp cận.

- Liên thông cơ sở dữ liệu với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia, hướng tới minh bạch hóa số liệu phục vụ đối ngoại, chứng nhận tín chỉ các-bon và truy xuất nguồn gốc môi trường sản phẩm nông sản.

5. Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức các chương trình truyền thông, tập huấn nhận thức chung về canh tác giảm phát thải, về phát triển các chuỗi giá trị trồng trọt theo hướng tuần hoàn, bền vững, giảm phát thải...

- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật canh tác giảm phát thải, sử dụng cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính hệ thống MRV, tín chỉ các-bon ... cho cán bộ quản lý nông nghiệp cấp cơ sở, khuyến nông, doanh nghiệp và nông dân nòng cốt.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông thông qua báo chí, mạng xã hội, các chương trình truyền hình,... nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích và xu hướng sản xuất trồng trọt giảm phát thải. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như sổ tay kỹ thuật, tờ rơi, infographic, video hướng dẫn... phù hợp với từng

vùng, từng nhóm đối tượng. Đồng thời, tăng cường phổ biến kiến thức cho cộng đồng về thị trường các-bon.

- Lồng ghép nội dung canh tác giảm phát thải vào chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, khuyến nông và các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

6. Kết nối thị trường cho các sản phẩm phát thải thấp

- Tổ chức chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản phát thải thấp, hình thành vùng nguyên liệu đồng bộ gắn với các doanh nghiệp thu mua, phân phối, xuất khẩu.

- Từng bước hình thành và phát triển hệ thống thị trường tiêu thụ nông sản phát thải thấp; xây dựng và quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Phát thải thấp” nhằm nâng cao giá trị, mở rộng thị trường và khẳng định vị thế nông sản của Huế gắn với phát triển bền vững và trách nhiệm môi trường.

- Thực hiện các chương trình truyền thông tiêu dùng xanh, ưu tiên lựa chọn nông sản phát thải thấp, hướng tới thay đổi hành vi người tiêu dùng bền vững.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá nông sản phát thải thấp tại các hội chợ trong nước và quốc tế, khai thác cơ hội tham gia thị trường tín chỉ các-bon, thu hút đầu tư xanh.

- Tích hợp hỗ trợ phát triển sản phẩm phát thải thấp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình OCOP và các chính sách khuyến nông.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giảm phát thải trong trồng trọt

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách và công cụ hỗ trợ

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản liên quan, trong đó lồng ghép yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính trong các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch ngành trồng trọt.

- Xây dựng và triển khai cơ chế chính sách ưu đãi tài chính cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sang canh tác giảm phát thải.

- Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí về canh tác trồng trọt giảm phát thải và xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

b) Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều phối và giám sát thực hiện Kế hoạch

- Tăng cường phân cấp, giao quyền cho địa phương trong việc lựa chọn, phát triển mô hình, mở rộng diện tích áp dụng, xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ và huy động nguồn lực triển khai.

- Tổ chức họp định kỳ, sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn; tăng cường kiểm tra, giám sát thực địa nhằm bảo đảm minh bạch, khách quan và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương.

- Tăng cường vai trò vận động, tuyên truyền và giám sát xã hội của các tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và người dân trong quá trình triển khai Kế hoạch tại địa phương.

c) Hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả

- Ứng dụng công nghệ số trong giám sát phát thải, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và thống kê sản lượng giảm phát thải.

- Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát - đánh giá thống nhất từ tỉnh đến xã, bao gồm bộ chỉ số đo lường giảm phát thải và kết quả chuyển đổi mô hình sản xuất.

2. Giải pháp về khoa học, công nghệ và chuyển giao kỹ thuật

- Đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện, chuẩn hóa các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải, phù hợp từng cây trồng, vùng sinh thái và điều kiện sản xuất của địa phương.

- Ứng dụng một số biện pháp khoa học như: Sử dụng phế phụ phẩm sản xuất than sinh học, phân hữu cơ, đưa bèo hoa dâu vào hệ thống canh tác....

- Ứng dụng công nghệ số, cảm biến, trí tuệ nhân tạo, nông nghiệp chính xác để tối ưu hóa quản lý nước, phân bón và giám sát phát thải trong trồng trọt, đồng thời quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và thống kê sản lượng giảm phát thải.

- Phát triển các mô hình trình diễn thực tế tại địa phương để phổ biến kỹ thuật mới, tổ chức “cánh đồng học tập” và đào tạo nông dân.

- Tăng cường hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua hệ thống khuyến nông, hợp tác xã, doanh nghiệp dịch vụ nông nghiệp, bảo đảm các giải pháp được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.

3. Giải pháp về hoàn thiện hạ tầng thủy lợi

- Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên các vùng triển khai mô hình AWD; nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nước linh hoạt, chủ động tưới tiêu theo kỹ thuật canh tác giảm phát thải, đảm bảo rút nước kịp thời và cung cấp nước ổn định cho các khu vực sản xuất trồng trọt; đồng thời xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm lãng phí và phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng mô hình “vùng tưới tiêu thông minh” tại các vùng trọng điểm áp dụng AWD, kết hợp cảm biến đo mực nước, hệ thống đóng/mở tự động hoặc bán tự động phù hợp điều kiện của địa phương.

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi xây dựng lịch điều tiết nước phù hợp với quy trình AWD; tăng cường bảo dưỡng định kỳ, nạo vét, xử lý bồi lắng trước các vụ sản xuất.

- Lồng ghép kinh phí chính trang hệ thống thủy lợi từ các nguồn: Chương trình biến đổi khí hậu, vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp, chương trình mục tiêu quốc gia, ODA, ...

4. Giải pháp về tổ chức sản xuất và chuỗi giá trị

- Thúc đẩy tái cơ cấu sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất giảm phát thải với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc và tín chỉ các-bon.

- Khuyến khích phát triển mô hình kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã làm hạt nhân trong tổ chức canh tác giảm phát thải.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, áp dụng mô hình đồng quản lý phát thải giữa nông dân và đơn vị thu mua.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các-bon (footprint), hỗ trợ xây dựng thương hiệu nông sản giảm phát thải. Từng bước tham gia thị trường tiêu thụ nông sản phát thải thấp.

5. Giải pháp về xây dựng hệ thống dữ liệu và quản lý phát thải

- Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về phát thải trong trồng trọt, tích hợp theo vùng, cây trồng và kỹ thuật.

- Ứng dụng công nghệ số, công nghệ viễn thám, GIS, hỗ trợ thu thập dữ liệu thực địa, số hóa quá trình theo dõi, giám sát hiệu quả các mô hình và toàn chương trình.

- Áp dụng thống nhất quy trình MRV theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời tổ chức nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện quy trình MRV đối với một số cây trồng trên địa bàn, bảo đảm phù hợp điều kiện sản xuất thực tế.

- Liên thông dữ liệu với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia để phục vụ thống kê, điều hành và báo cáo quốc tế.

6. Giải pháp về nguồn lực tài chính

Huy động đa dạng nguồn lực, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước, vốn sự nghiệp khoa học, khuyến nông, chương trình mục tiêu quốc gia: Giữ vai trò “dẫn dắt”, đầu tư vào các cấu phần có tính nền tảng như chính sách, cơ sở dữ liệu, đào tạo, mô hình thí điểm, khuyến nông, giám sát địa phương...

- Vốn tư nhân, vốn xã hội hoá trong tổ chức sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật và thu mua nông sản: Tập trung vào các hoạt động liên kết chuỗi giá trị, đầu tư thiết bị canh tác, mở rộng diện tích áp dụng các quy trình canh tác giảm phát thải, vận hành hệ thống MRV, hệ thống truy xuất nguồn gốc các-bon, ứng dụng công nghệ số, cơ sở chế biến, bảo quản nông sản giảm phát thải.

- Nguồn tài trợ quốc tế, vốn ODA, vốn khí hậu và các chương trình giảm phát thải toàn cầu: Ưu tiên bố trí cho các hợp phần về MRV, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm tín chỉ các-bon, đào tạo và nâng cao năng lực.

7. Giải pháp về đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền và phổ biến tài liệu đào tạo, sổ tay kỹ thuật, công cụ hướng dẫn kỹ thuật canh tác giảm phát thải cho cán bộ, nông dân và doanh nghiệp.
- Tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cán bộ quản lý trồng trọt, hợp tác xã và nông dân nòng cốt.
- Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng, mạng xã hội, tổ chức hội chợ - diễn đàn để tuyên truyền, lan tỏa mô hình canh tác giảm phát thải.
- Tích hợp nội dung sản xuất giảm phát thải vào chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, phổ cập kiến thức về tín chỉ các - bon và nông nghiệp tuần hoàn.

8. Giải pháp về hợp tác quốc tế và hội nhập

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế về nghiên cứu khoa học, đào tạo kỹ thuật, tư vấn chính sách,...
- Tham gia các diễn đàn, sáng kiến khu vực và toàn cầu liên quan đến nông nghiệp giảm phát thải và thị trường các-bon.
- Học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, tiêu chuẩn kỹ thuật, mô hình hợp tác công-tư trong phát triển trồng trọt các-bon thấp, đồng thời vận dụng linh hoạt theo điều kiện địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch.
- Tổ chức triển khai lựa chọn vùng, cây trồng, mô hình ưu tiên phù hợp điều kiện địa phương và mở rộng diện tích sản xuất trồng trọt giảm phát thải trên địa bàn thành phố.
- Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm, tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ nông dân chuyển đổi.
- Đề xuất chính sách hỗ trợ đặc thù và kiến nghị điều chỉnh phù hợp với thực tiễn địa phương để thúc đẩy chuyển đổi sản xuất trồng trọt sang sản xuất giảm phát thải.
- Thiết lập cơ sở dữ liệu về phát thải ngành trồng trọt; phối hợp đo lường, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính từ sản xuất trồng trọt định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương; định kỳ tổng hợp, báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố và dự toán chi thường xuyên hằng năm được duyệt để chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố

bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác lồng ghép, huy động nguồn lực hợp pháp khác thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất, đặt hàng và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật canh tác giảm phát thải; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, công nghệ viễn thám và các công cụ hỗ trợ đo lường, giám sát và quản lý dữ liệu phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực trồng trọt, làm cơ sở khoa học cho việc triển khai và nhân rộng các mô hình sản xuất trồng trọt phát thải thấp trên địa bàn thành phố.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm triển khai Kế hoạch; hỗ trợ khai thác, kết nối mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm trồng trọt có tiềm năng sản xuất phát thải thấp.

5. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp thành phố

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và các sở, ban ngành triển khai các nội dung liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, khuyến công, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm trồng trọt phát thải thấp, hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra; góp phần xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra thị trường ổn định.

6. Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế

Xây dựng chuyên trang/chuyên mục truyền thông cho các nội dung liên quan của Kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương. Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, kế hoạch sản xuất trồng trọt, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có)...

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của thành phố đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển sản xuất trồng trọt giảm phát thải.

- Bố trí ngân sách địa phương và huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc liên quan và người sản xuất thực hiện nội dung Kế hoạch trên địa bàn đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ cơ sở, người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp về lợi ích của sản xuất phát thải thấp, huy động sự tham gia, đồng thuận và đóng góp tích cực vào mục tiêu của Kế hoạch.

- Tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp) theo quy định.

8. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi

- Đầu tư cải tạo hệ thống kênh mương phù hợp với nhu cầu tưới tiêu nước chủ động cho từng loại mô hình sản xuất.

- Phối hợp điều tiết nước và chỉ đạo các đơn vị liên quan có kế hoạch tưới, tiêu đúng quy trình đã thống nhất.

9. Các hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã và đối tác liên quan

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện; huy động nguồn vốn để tham gia đầu tư sản xuất trồng trọt giảm phát thải, xây dựng thương hiệu sản phẩm trồng trọt phát thải thấp.

- Các hiệp hội và doanh nghiệp: Tuyên truyền, vận động hội viên tham gia các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải. Tham gia xây dựng thương hiệu nông sản giảm phát thải, truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ. Đầu tư công nghệ, thiết bị về quy trình giảm phát thải trong sản xuất trồng trọt. Tham gia thúc đẩy, phát triển thị trường và nhãn hiệu phát thải thấp. Phối hợp truyền thông, nâng cao nhận thức và tập huấn về trồng trọt giảm phát thải. Tham gia góp ý và hỗ trợ chia sẻ dữ liệu, giám sát và báo cáo phát thải trong chuỗi cung ứng.

- Các hợp tác xã: Tổ chức sản xuất tập trung theo hướng phát thải thấp trong đó tập trung hướng dẫn và hỗ trợ thành viên áp dụng các quy trình canh tác giảm phát thải. Chủ động liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản phát thải thấp. Tham gia đo đạc, giám sát và cung cấp dữ liệu phát thải tại cơ sở.

- Các đối tác liên quan: Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chuyển giao tri thức công nghệ thông qua tư vấn, cung cấp giải pháp, xây dựng và mở rộng mô hình canh tác phát thải thấp; chuẩn hóa dữ liệu và bộ chỉ tiêu đánh giá. Thúc đẩy nghiên cứu chung và hợp tác đào tạo - nâng cao năng lực. Tham gia kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại nông sản phát thải thấp. Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, thúc đẩy đối thoại chính sách và hài hòa thể chế góp phần xây dựng các chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị liên quan căn cứ vào nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu giải quyết, tháo gỡ nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các Sở: NN&MT, TC, KH&CN, CT;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm XTĐT, TM và HTDN;
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- VP: LĐ và các CV: TH, ĐC, TC;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI “ĐỀ ÁN SẢN XUẤT GIẢM PHÁT THẢI LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT GIAI ĐOẠN 2025-2035, TẦM NHÌN ĐẾN 2050” TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

(Kèm theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của vùng			
1	Tổ chức sản xuất để khuyến khích phát triển các cây trồng lâu năm có tác dụng hấp thụ các-bon trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nước kém hiệu quả sang các cây trồng cạn khác có hiệu quả cao, sản xuất lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản để góp phần giảm phát thải khí nhà kính.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
3	Nghiên cứu và phát triển mô hình một vụ lúa, một vụ màu để nâng cao sức khỏe đất, giảm phát thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
II	Phát triển và áp dụng các gói kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt giảm phát thải			
1	Lựa chọn và áp dụng các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải cho từng cây trồng, từng vùng sinh thái đối với một số cây trồng chủ lực tại địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
2	Phổ biến hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng mô hình canh tác giảm phát thải theo từng nhóm cây trồng tích hợp cùng hệ thống khuyến nông.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Chỉ đạo sản xuất để mở rộng diện tích sản xuất trồng trọt áp dụng các biện pháp canh tác giảm phát thải trên phạm vi toàn thành phố với các cây trồng chủ lực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
III	Triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải quy mô vùng và chuỗi giá trị			
1	Lựa chọn, xây dựng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải quy mô lớn có khả năng chứng nhận tín chỉ các-bon tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
2	Tổ chức xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật tại địa phương, hỗ trợ nông dân tiếp cận, học hỏi và thực hành.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
3	Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế, đơn vị phát triển dự án các-bon trong việc hỗ trợ kỹ thuật, chứng nhận và tiêu thụ sản phẩm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
IV	Thiết lập và vận hành hệ thống MRV và cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính			
1	Phối hợp theo dõi, giám sát hoạt động và kết quả giảm phát thải khí nhà kính trong quá trình triển khai Đề án sản xuất giảm phát thải. Tích hợp kết quả giảm phát thải khí nhà kính vào cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
2	Phối hợp xây dựng, hướng dẫn phương pháp MRV theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính thống nhất, minh bạch giữa các chương trình, dự án thuộc Đề án sản xuất giảm phát thải; hướng dẫn xây dựng hồ sơ các chương trình, dự án sản xuất giảm phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon trong Đề án sản xuất giảm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	phát thải để tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế.			
V	Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức			
1	Tổ chức các lớp tập huấn nhận thức chung về canh tác giảm phát thải, về phát triển các chuỗi giá trị trồng trọt theo hướng tuần hoàn, bền vững, giảm phát thải; kỹ thuật canh tác giảm phát thải, tín chỉ các-bon, hệ thống MRV,... cho các cán bộ cơ sở, nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
2	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua báo chí, mạng xã hội, các chương trình truyền hình, hội chợ và triển lãm nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích và xu hướng sản xuất trồng trọt giảm phát thải. Đồng thời, tăng cường phổ biến kiến thức cho cộng đồng về thị trường các-bon.	Báo và phát thanh, truyền hình Huế	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035
VI	Kết nối thị trường cho các sản phẩm phát thải thấp			
1	Tổ chức chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản phát thải thấp, hình thành vùng nguyên liệu đồng bộ gắn với các doanh nghiệp thu mua, phân phối, xuất khẩu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026-2035
2	Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm trồng trọt có tiềm năng sản xuất phát thải thấp; thu hút đầu tư xanh.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026-2035

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá nông sản phát thải thấp tại các hội chợ trong nước và quốc tế, hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra.	Trung tâm XTĐT, TM và HTDN	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026-2035